TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN EAKAR
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 27/2018/DS-ST.
Ngày: 15/11/2018.
V/v:"Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EAKAR, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Minh Ngọc.
Các hội thẩm nhân dân:
1. Ông Phan Xuân Thắng.
2. Ông Nguyễn Thế Hằng.
- ***Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Hải Yến – Thư ký Tòa án.
***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện EaKar tham gia phiên tòa*:**
Ông Lê Thành Thước – Chức vụ : Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 56/2018/TLST-DS, ngày 11 tháng 4 năm 2018 về "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2018/QĐXX-ST, ngày 11 tháng 10 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 24/2018/QĐST – DS, ngày 31/10/2018, Giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Bùi Xuân H, sinh năm 1982.
Địa chỉ: Thôn H, xã X, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. (Có mặt)

2. Bị đơn:

+ Ông Đào Xuân Q, sinh năm 1992.
Địa chỉ: Thôn 7, xã X, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. (Có mặt)

+ Ông Phạm Văn H1 và bà Đỗ Thị L.
Địa chỉ: Thôn S, xã X, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai tại tại Tòa án và tại phiên tòa nguyên đơn ông Bùi Xuân H trình bày:

Vào ngày 07/12/2017, ông Đào Xuân Q và ông Phạm Văn H1 có đến nhà tôi đặt vấn đề mua vườn gừng của tôi, sản lượng vườn gừng khoảng 7.000 kg, với giá 5.500 đồng/ 01 kg và ông Q đã đặt cọc cho tôi trước số tiền 4.000.000 đồng và thỏa thuận cân gừng xong sẽ thanh toán đầy đủ.

- Ngày 08/12/2017, ông Q và H1 đã cân của tôi được 3.550kg gừng có giá là 19.525.000 đồng, nhưng chưa có tiền trả ngay và hứa mai cân nốt số hàng còn lại sẽ thanh toán hết cho tôi. Việc mua bán gừng tôi chỉ làm việc với ông H1 và ông Q

ngoài ra không thỏa thuận làm việc với ai cả. Tuy nhiên, do ông H1 không có mặt ở địa phương nên tôi yêu cầu bà L vợ ông H1 ký vào giấy nợ để đảm bảo việc thanh toán nợ sau này.

- Đến ngày 09/12/2017 ông Q và ông H1 đã không vào lấy số hàng còn lại và cũng không trả tiền hàng đã cân, dù tôi đã gọi nhiều lần nhưng chỉ nhận được câu trả lời ngày mai sẽ vào cân, nên đến ngày 12/12/2017 tôi có ra nhà ông Q và ông H1 đòi tiền thì hai ông nói chưa có và hẹn 05 ngày sau sẽ trả số tiền đã mua gừng cho gia đình tôi, đồng thời viết giấy nhận nợ và cam kết sẽ trả cho tôi số tiền này vào ngày 17/12/2017, với số tiền là 19.525.000 đồng. Nhưng từ đó đến nay hai ông Q và ông H1 không thanh toán cho tôi số tiền trên. Vì vậy tôi làm đơn khởi kiện yêu cầu ông Đào Xuân Q, ông Phạm Văn H1 và vợ là Đỗ Thị L phải trả cho tôi số tiền 15.525.000 đồng (Mười chín triệu năm trăm hai mươi lăm nghìn đồng) sau khi đã trừ đi số tiền cọc là 4.000.000 đồng. Trong đó ông Đào Xuân Q phải trả cho tôi số tiền 9.725.500 đồng, ông H1 bà L cùng có trách nhiệm trả cho tôi số tiền 5.762.500 đồng. Ngoài ra không yêu cầu tính lãi suất đối với khoản tiền trên.

*Tại bản tự khai ngày 24/4/2018, tại biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa bị đơn ông Đào Xuân Q trình bày: Qua phần trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa tôi hoàn toàn đồng ý. Tôi xác nhận vào ngày 07/12/2017 tôi cùng vợ chồng ông Phạm Văn H1 và bà Đỗ Thị L có mua bán gừng với ông Bùi Xuân H với số lượng gừng đã cân là 3.550 kg với giá là 5.500 đồng/kg, thành tiền là 19.525.000 đồng.

Tôi đã đặt cọc trước cho ông H 4.000.000 đồng nhưng ông H không ghi vào trong giấy, sau đó ông H1 đã trả lại cho tôi số tiền 4.000.000 đồng. Nên đến ngày 12/12/2017 các bên có làm giấy nhận nợ xác nhận chúng tôi còn nợ lại số tiền 19.525.000 đồng thời hạn trả là 17/12/2017, nhưng do đến hạn trả nợ do chúng tôi cũng bị thương lái lừa không trả tiền, nên cũng không có tiền trả được cho ông H, tại Tòa án ông H cũng thừa nhận là đã nhận 4.000.000 đồng mà chúng tôi đã đặt cọc trước đó và đã trừ vào tiền chúng tôi còn nợ. Hiện tại tôi xác nhận còn nợ ông H số tiền 15.525.000 đồng. Nay ông H khởi kiện ra Tòa án thì giữa chúng tôi có trách nhiệm trả nợ cho ông H cụ thể như sau: Tôi và ông H1 có trách nhiệm trả cho ông H số tiền 19.525.000 đồng, trong đó mỗi người phải trả số tiền là 9.725.500 đồng còn vợ chồng ông H1, bà Liên trả với số tiền 9.725.500 đồng và được trừ đi số tiền ông H1 đặt cọc 4.000.000 đồng còn lại phải trả cho ông H số tiền 5.762.500 đồng còn lại. Ngoài ra tôi không trình bày gì thêm.

*Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai bị đơn bà Đỗ Thị L trình bày: Tôi là vợ của ông Phạm Văn H1, chồng tôi cùng ông Đào Xuân Q có làm ăn chung mua gừng của ông Bùi Xuân H, số gừng thu mua là 3,5 tấn gừng, thành tiền là 19.525.000 đồng, trong đó H1 đã đặt cọc trước cho ông H 4.000.000 đồng, vậy số tiền chưa thanh toán cho ông H là 15.525.000 đồng. Việc mua bán gừng giữa các bên thỏa thuận như thế nào tôi hoàn toàn không biết, tôi không có mua bán gừng với ông H, do chồng tôi không có hộ khẩu tại xã X, nên khi làm giấy nhận nợ thì ông H bắt tôi ký tên vào trong giấy nhận nợ. Nay ông H khởi kiện vợ chồng tôi ra Tòa án thì vợ chồng tôi có trách nhiệm trả số tiền nói trên chia làm hai ông Q ½ và ông H1 ½, trong đó chồng

tôi là ông H1đã trả được 4.000.000 đồng là số tiền đã đặt cọc, còn số tiền còn lại thì vợ chồng tôi có trách nhiệm trả nợ cho ông H.

*Tại bản tự khai và biên bản lấy lời khai bị đơn ông Phạm Văn H1 trình bày: Vào khoảng tháng 12 năm 2017, tôi và Đào Xuân Q có đi mua gừng của anh H và còn nợ số tiền là 19.525.000 đồng, ông Đào Xuân Q đã đặt cọc 4.000.000 đồng cho ông H, sau đó tôi đã đưa lại số tiền này cho ông Q, hiện tại xác định còn nợ lại số tiền 15.525.000 đồng, do mua bán không may bị lừa, vợ chồng chúng tôi và ông Quý có trách nhiệm trả cho ông Hiến số tiền 15.525.000 đồng, vợ chồng tôi trả ½ của số tiền 19.525.000 đồng, trừ đi số tiền 4.000.000 đồng đã đặt cọc, nhưng do nhà tôi có một mình tôi đi làm vợ tôi thì tàn tật, tôi có đề nghị trả dần cho anh H.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành giao thông báo thụ lý vụ án cho các đương sự và triệu tập các bên đương sự đến toà án để tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, do các bị đơn vắng mặt không có lý do nên không tiến hành hòa giải được về việc giải quyết vụ án. Căn cứ vào Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện EaKar, tỉnh Đắk Lắk đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Ngày 31/10/2018 Tòa án nhân dân huyện Ea Kar mở phiên tòa để xét xử vụ án nhưng bị đơn bà Đỗ Thị L vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 1, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 ra quyết định hoãn phiên tòa.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn ông Bùi Văn H vẫn giữ nguyên yêu cầu: Buộc ông Đào Xuân Q, ông Phạm Văn H1, bà Đỗ Thị L phải trả cho ông Bùi Văn H số tiền 15.525.000 đồng, trong đó ông Đào Xuân Q phải trả cho tôi số tiền 9.725.500 đồng, ông H1 bà L cùng có trách nhiệm trả cho tôi số tiền 5.762.500 đồng. Ngoài ra không yêu cầu tính lãi suất đối với khoản tiền trên.

Bị đơn ông Đào Xuân Q đồng ý trả với số tiền 9.725.500 đồng, còn số còn lại vợ chồng ông Phạm Văn H1 và bà Đỗ Thị L phải có trách nhiệm trả là 5.762.500 đồng.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và thực hiện đúng các quy định của bộ luật tố tụng dân sự về phiên toà sơ thẩm, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70, 71,72 và Điều 73 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn ông Phạm Văn H, bà Đỗ Thị L không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70; 71, 72, 73, 227, 234 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Ý kiến của Kiểm sát viên nội dung vụ án: Qua bản tự khai, biên bản lấy lời khai của các đương sự, và tại phiên tòa hôm nay đã xác định vào ngày 07/12/2017 ông Đào Xuân Q, ông Phạm Văn H1 có mua gừng của ông Đào Xuân H và viết giấy nhận nợ số tiền 19.525.000 đồng được trừ đi 4.000.000 đồng tiền đã đặt cọc, còn nợ lại số tiền 15.525.000 đồng là thực tế và được các bên thừa nhận. Qua phần trình bày

của các đương sự tại phiên tòa và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 288, Điều 440 bộ luật Dân sự 2015, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Đào Xuân Q, ông Phạm Văn H1 và bà Đỗ Thị L phải liên đới trả cho ông H số tiền 15.525.000 đồng. Trong đó ông Q phải trả số tiền 9.725.500 đồng, ông Phạm Văn H và bà Đỗ Thị L phải có trách nhiệm liên đới trả cho ông H số tiền là 5.762.500 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về thủ tục tố tụng**: Tại phiên tòa bị đơn ông Phạm Văn H1, bà Đỗ Thị L vắng mặt không có lý do. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Phạm Văn H1 và bà Đỗ Thị L. Hội đồng xét xử thấy rằng: Tòa án nhân dân huyện Ea Kar đã tiến hành tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa cho ông H1, bà L nhưng ông H1, bà L vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b, Khoản 2, Điều 227; Khoản 3, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt ông Phạm Văn H1 và bà Đỗ Thị L là phù hợp.

[2] ***Về quan hệ pháp luật tranh chấp***: Đơn khởi kiện của ông H đề ngày 05/4/2018, Tòa án nhân dân huyện Ea Kar xác định quan hệ pháp luật là "*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*", được quy định tại các Điều 166, Điều 430, 440 Bộ luật dân sự năm 2015. Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 195 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì Tòa án nhân dân huyện EaKar thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[3] **Xét nội dung vụ án**:

Nguyên đơn ông Bùi Văn H yêu cầu ông Phạm Văn H1, ông Đào Xuân Q, bà Đỗ Thị L phải trả số tiền 15.525.000 đồng là hoàn toàn có cơ sở pháp lý: Trong bản tự khai, bản thân ông Q, ông H1, bà L đều thừa nhận có việc ông Q, ông H1 có mua gừng của ông H và còn nợ lại số tiền 15.525.000 đồng chưa thanh toán theo giấy nhận nợ viết ngày 12/12/2017, thời điểm các bên giao kết hợp đồng các bên có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, việc giao kết này là hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc là phù hợp với Điều 430 BLDS 2015.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng ông H1, ông Q có đặt cọc cho ông H số tiền 4.000.000 đồng, đây là số tiền riêng của ông H1 bỏ ra, bà L tuy không tham gia vào việc đi mua bán gừng cùng ông H1, ông Q nhưng biết sự việc mua bán và tự nguyện ký vào giấy nhận nợ nên bà L cũng có trách nhiệm liên đới cùng với ông H1 trả số tiền này cho ông H là phù hợp. Tuy nhiên, đến hẹn trả tiền nhưng ông H1, ông Q, bà L không trả như trong nội dung giấy nhận nợ là đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền của bên mua theo quy định tại khoản 1, Điều 440 Bộ luật dân sự 2015 quy định "*Bên mua có nghĩa vụ thanh toán tiền theo thời hạn, địa điểm và mức tiền được quy định trong hợp đồng"*.

Do đó, HĐXX Căn cứ vào Điều 430, Điều 440 Bộ luật Dân sự 2015, buộc ông Đào Xuân Q, ông Phạm Văn H1, bà Đỗ Thị L phải có trách nhiệm hoàn trả cho ông Bùi Xuân H số tiền mua gừng là 15.525.000 đồng là hoàn toàn phù hợp và đúng theo quy định của pháp luật.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bị đơn xác định có nợ số tiền 15.525.000 đồng và đồng ý trả nợ theo phương án sau: ông Q có trách nhiệm trả cho ông H 9.725.500 đồng, ông H1 bà L có trách nhiệm liên đới trả cho ông Hiến 5.762.500 đồng. Xét đây là ý kiến trình bày của các đương sự và phù hợp với thực tế, được nguyên đơn đồng ý nên HĐXX cần chấp nhận.

Từ những phân tích và nhận định nêu trên HĐXX cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn Ông Đào Xuân Q phải có trách nhiệm trả cho ông Bùi Xuân H số tiền 9.725.500 đồng, bị đơn ông Phạm Văn H1 bà bà Đỗ Thị L phải có trách nhiệm trả cho ông Đào Xuân H số tiền 5.762.500 đồng.

[4] **Về án phí**: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy đinh về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 điều 39, Điều 195, Điều 203; Khoản 2, Điều 227; Khoản 3, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 430, 440 Bộ luật Dân sự 2015.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Bùi Xuân H.

Buộc ông Đào Xuân Q phải có trách nhiệm hoàn trả cho ông Bùi Xuân H số tiền còn nợ là 9.725.500 đồng, ông Phạm Văn H1 và bà Đỗ Thị L có trách nhiệm hoàn trả cho ông Bùi Xuân H số tiền còn nợ là 5.762.500 đồng

Áp dụng Điều 357 Bộ luật dân sự để tính lãi suất đối với số tiền chậm trả, kể từ khi có đơn yêu cầu của người được thi hành án.

Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy đinh về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Ông Đào Xuân Q phải chịu 486.275 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm theo mức tính: (9.725.000 x 5% = 486.275đồng).

Ông Phạm Văn H1, bà Đỗ Thị L phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự có giá ngạch.

Hoàn trả cho ông Bùi Xuân H số tiền 488.000 đồng (*Bốn trăm tám mươi tám nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0003375 ngày 10/4/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện EaKar.

Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(đã ký)

Nguyễn Minh Ngọc

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện EaKar;
- Chi cục THADS huyện EaKar;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.